

Vận dụng mẫu nghi thức lời nói trong dạy học nghi thức giao tiếp cho học sinh lớp 1 theo Chương trình Ngữ văn 2018

Phạm Hồng Anh

Giáo viên trường Tiểu học Tân Sơn Nhì, quận Tân Phú, TP.HCM

Received: 05/6/2024; Accepted: 14/6/2024; Published: 26/6/2024

Abstract: *A speech etiquette model is a standard speech model used in communication, which can be applied in many different purposes and communication situations while still ensuring communication effectiveness and being consistent with communication culture of society. The verbal etiquette model creates a fulcrum for first grade students to build appropriate verbal communication every time they perform a real communication ritual in life.*

Keywords: *A speech etiquette model, teaching communication etiquette, teaching communication for first grade students*

1. Đặt vấn đề

Đáp ứng mục tiêu giáo dục gắn với cuộc sống, nội dung dạy học nghi thức giao tiếp trong chương trình Ngữ văn 2018 thể hiện rõ tính ứng dụng cao trong dạy học. Mỗi ngày, dù là ở trường hay ở nhà, học sinh đều phải đối diện với các nghi thức giao tiếp khác nhau. Với năng lực ngôn ngữ chưa phát triển toàn diện, học sinh lớp 1 gặp không ít khó khăn trong việc sử dụng vốn từ của mình để nói ra một câu giao tiếp phù hợp với mục tiêu và tình huống giao tiếp hàng ngày. Học sinh rất cần một điểm tựa để có thể xây dựng câu giao tiếp, giúp các em thực hiện nghi thức giao tiếp hiệu quả.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Nội dung dạy học nghi thức giao tiếp cho học sinh lớp 1 theo chương trình Ngữ văn 2018

Bước vào lớp 1, học sinh bắt đầu chính thức được học và phát triển năng lực ngôn ngữ. Học sinh được học một số nghi thức giao tiếp thông dụng ở nhà và ở trường như chào hỏi, giới thiệu, cảm ơn, xin lỗi, xin phép [3]. Nếu ở bộ sách Cánh Diều, học liệu dạy học nghi thức giao tiếp tương ứng với những bài đọc là những câu chuyện, một số khác lại gắn với văn bản thông tin. Qua tìm hiểu bài đọc, học sinh học tập các nghi thức giao tiếp, thực hành theo các nhân vật [5]. Thì ở bộ sách Chân trời sáng tạo, học sinh trước hết là nhận diện nghi thức giao tiếp qua hình ảnh, sau đó, luyện tập thực hành từng tình huống được yêu cầu trước hết là với đối tượng giao tiếp bằng vai sau đó là đối tượng giao tiếp không bằng vai [1]. Ở bộ

sách Vì sự bình đẳng và dân chủ trong giáo dục, học sinh được đóng vai nhân vật trong bài đọc để nói và đáp theo tình huống trong văn bản hoặc theo các tình huống giao tiếp cho sẵn [2]. Tất cả đều nhằm mục đích cho học sinh luyện tập thực hành thật nhiều từ đó rút ra được kinh nghiệm và tạo thói quen giao tiếp đúng khi gặp các tình huống giao tiếp tương tự trong cuộc sống. Các nội dung dạy học nghi thức giao tiếp và yêu cầu cần đạt sẽ được nâng cao dần ở các lớp học sau.

2.2. Đặc điểm tâm lý, nhận thức của học sinh lớp 1

Học sinh lớp 1 vừa chuyển từ giai đoạn mầm non lên, các em hầu hết đang ở trong độ tuổi từ 6 – 7 tuổi. Một số điểm chung có thể thấy ở đặc điểm tâm lý, nhận thức, ngôn ngữ của học sinh lớp 1 đó là:

Về đặc điểm tâm lý, học sinh lớp 1 đang trải qua giai đoạn thích ứng với môi trường học là chính. Các em thường rất tò mò, muốn khám phá và tìm hiểu về thế giới xung quanh. Học sinh còn thường có xu hướng phụ thuộc vào người lớn và cần sự hướng dẫn và hỗ trợ từ giáo viên và phụ huynh.

Về đặc điểm nhận thức, học sinh lớp 1 thường có khả năng tư duy hình ảnh mạnh mẽ, nghĩ đến các khái niệm thông qua hình ảnh và cụ thể hơn là thông qua lời nói hoặc văn bản. Các em thường sử dụng tư duy phản chiếu để hiểu và xử lý thông tin. Điều này có nghĩa là học sinh lớp 1 tìm hiểu thông qua kinh nghiệm cá nhân và áp dụng nó vào những tình huống mới.

Về đặc điểm ngôn ngữ, học sinh lớp 1 đang bắt

đầu học và phát triển kỹ năng ngôn ngữ. Các em đang học cách phát âm, xây dựng câu, mở rộng từ vựng và tìm hiểu về cấu trúc ngôn ngữ cơ bản. Các em thường có trí tưởng tượng phong phú, sử dụng ngôn ngữ để tạo ra câu chuyện và mô tả thế giới xung quanh theo cách học sinh lớp 1 còn sử dụng cử chỉ, biểu cảm khuôn mặt và hành động hơn là ngôn ngữ để truyền đạt ý nghĩ và cảm xúc.

Những đặc điểm trên cho thấy, học sinh lớp 1 sẽ giao tiếp dựa vào kinh nghiệm cá nhân, những gì quan sát được là chính. Các em còn hạn chế về ngôn ngữ, chủ yếu về vốn từ. Vì vậy, để giúp học sinh giao tiếp hiệu quả hơn, cần dạy cho học sinh kỹ năng giao tiếp, tạo môi trường giao tiếp an toàn, yêu thương, tôn trọng, khuyến khích học sinh giao tiếp cởi mở, tự tin, làm mẫu cho học sinh về cách giao tiếp hiệu quả.

2.3. Mẫu cấu trúc lời nói

Dù giao tiếp ở gia đình hay nhà trường, các em có thể sử dụng khuôn mẫu theo mô hình sau:

CTGT + Động từ + ĐTGT + Nội dung

Cấu trúc trên được cấu tạo gồm bốn bộ phận: chủ thể giao tiếp (CTGT), động từ, đối tượng giao tiếp (ĐTGT) và nội dung giao [6]. Do vậy, bước phân tích tình huống giao tiếp rất quan trọng, học sinh sẽ nắm rõ yêu cầu của hoạt động để từ đó, lựa chọn từ ngữ và sắp xếp thành câu cho phù hợp.

Khi xác định chủ thể giao tiếp và đối tượng giao tiếp, học sinh lựa chọn được cặp từ xưng hô phù hợp. Đứng giữa cặp từ xưng hô luôn là một động từ, xác định mục đích giao tiếp sẽ giúp xác định được động từ đó. Nội dung giao tiếp giúp làm rõ ý hơn cho mục đích giao tiếp, thường được sắp xếp cuối câu. Cuối cùng (không bắt buộc), học sinh lựa chọn sử dụng thêm các từ ngữ kết thúc câu phù hợp. Tùy vào đối tượng giao tiếp mà có thể lựa chọn từ xưng hô và các từ ngữ kết thúc câu như “à”, “nhé” phù hợp [4].

Bảng 2.1. Bảng biểu diễn lời nói

Chủ thể giao tiếp (Ai?)	Mục đích (Làm gì?)	Đối tượng giao tiếp (Với ai?)	Nội dung (Vì sao?)	Các từ ngữ kết thúc câu
Cháu	chào	ông/bà	(tùy thuộc vào nội dung tình huống cụ thể được đưa ra)	a/nhé
Con	(xin) giới thiệu (với)	ba/mẹ/ thầy/cô/ chú		
Anh/Chị	cảm ơn	em		
Mình	xin lỗi	bạn		
Em	xin phép	anh/chị		

Một tình huống giao tiếp hiệu quả không chỉ có lời nói mà còn phải có lời đáp. Lời đáp cần phù hợp với tình huống là một phần trong giao tiếp.

Bảng 2.2. Bảng biểu diễn lời đáp

Nội dung	Lời đáp
Đáp lời chào, lời tự giới thiệu	Vâng/dạ/chào/rất vui khi được làm quen
Đáp lời cảm ơn	Vâng/dạ/không có gì/đừng bận tâm
Đáp lời xin lỗi	Không vấn đề gì cả/có thể hiểu mà
Đáp lời xin phép khi đồng ý	Đồng ý/được
Đáp lời xin phép khi không đồng ý	Không đồng ý/không được

2.4. Yếu tố phi ngôn ngữ

Để truyền đạt thông điệp và tạo ra hiệu ứng giao tiếp hiệu quả, học sinh cần phải có giọng nói, cử chỉ và thái độ thể hiện phù hợp với tình huống giao tiếp. Những yếu tố đó được quy định trong văn hóa xã hội. Với mỗi tình huống và đối tượng giao tiếp khác nhau, học sinh cần phải có giọng nói, cử chỉ và thái độ tương ứng phù hợp.

Bảng 2.3. Yếu tố phi ngôn ngữ trong lời nói

Nội dung	Tình huống	Giọng nói/lời nói	Ngôn ngữ cơ thể
Lời chào, lời tự giới thiệu	Khi gặp gỡ thầy cô giáo, bạn bè hoặc những người khác trong môi trường học tập.	Lời nói lịch sự, ngắn gọn nhưng thể hiện sự tự tin.	Mím cười, bắt tay, giao tiếp bằng mắt, nhìn thẳng vào người nghe.
Lời cảm ơn	Khi được giúp đỡ hoặc nhận được sự hỗ trợ từ người khác.	Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự; thái độ thể hiện sự tôn trọng, biết ơn.	Mím cười, gật đầu, cúi nhẹ người.
Lời xin lỗi	Khi làm sai hoặc gây ra sự phiền toái cho người khác.	Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự; thể hiện thái độ chân thành.	Thể hiện sự hối lỗi, cúi nhẹ người.
Lời xin phép	Khi muốn yêu cầu hoặc xin phép làm điều gì đó.	Lời nói nhẹ nhàng, rõ ràng, thái độ lịch sự dù được người khác đồng ý hay không đồng ý.	Cúi nhẹ người, giơ tay xin phép.

Bảng 2.4. Yếu tố phi ngôn ngữ trong lời đáp

Nội dung	Giọng nói – Thái độ
Đáp lời chào, lời tự giới thiệu	Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự; thái độ thể hiện sự tôn trọng, vui vẻ.
Đáp lời cảm ơn	Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự; thái độ thể hiện sự tôn trọng, vui vẻ.
Đáp lời xin lỗi	Giọng nói nhẹ nhàng, lịch sự; thái độ thể hiện sự cảm thông, chia sẻ.
Đáp lời xin phép	Giọng nói vui vẻ; thái độ lịch sự, nhất trí khi đồng ý
Đáp lời xin phép khi không đồng ý	Giọng nói nhẹ nhàng, chân thành; thái độ thể hiện sự tôn trọng, lịch sự

(Xem tiếp trang 82)

Ngoài việc kết hợp giữa Chat GPT với môi trường học tập, các sinh viên có thể học cách tương tác với Chat GPT theo nhiều cách khác nhau mà những chuyên gia về AI khuyến nghị. Thay vì chỉ đưa ra những câu lệnh đơn giản, các sinh viên nên đưa vào những thông tin chính xác và yêu cầu Chat GPT phân tích thông tin theo một cách khác. Điều này có thể giúp Chat GPT có được những thông tin mới và xử lý những yêu cầu của sinh viên một cách chính xác hơn.

Sinh viên có thể chủ động lên kế hoạch tự học và trau dồi kiến thức thường xuyên với ChatGPT. Việc học với ChatGPT là không giới hạn về không gian, thời gian. Sinh viên có thể tiếp tục học và lặp lại quá trình này để nâng cấp bản thân mỗi ngày bằng việc lĩnh hội kiến thức ở đa lĩnh vực.

Ngoài ra, ChatGPT cũng có thể hỗ trợ giải quyết một số vấn đề về học tập và đưa ra lời khuyên cho những thắc mắc xoay quanh đến vấn đề việc làm, tương lai... Đặc biệt, ChatGPT cung cấp cho sinh viên cơ hội để giao tiếp với một hệ thống AI, giúp sinh viên cải thiện kỹ năng giao tiếp với người máy từ đó nâng cao kỹ năng giao tiếp với các hệ thống công nghệ khác trong tương lai.

Để có thể ứng dụng một cách hiệu quả bất cứ công nghệ hiện đại nào, không chỉ riêng trí tuệ nhân tạo, các bạn sinh viên cần học cách “lãnh đạo”, thay vì trở thành “nô lệ” của công cụ đó. Hãy luôn tâm niệm không được cho phép bản thân lùi đi trước

những biến đổi của công nghệ mới.

3. Kết luận

Mặc dù vẫn còn nhiều hạn chế, không thể phủ nhận rằng Chat GPT là một công cụ vô cùng hữu ích với nhiều công dụng, có thể đáp ứng đa dạng nhu cầu sử dụng của người dùng. Tuy vậy, nên sử dụng công cụ này một cách phù hợp và có chủ đích để tránh những rủi ro tiềm ẩn.

Học tập và nghiên cứu là một hành trình khám phá tri thức và được chinh phục những giới hạn khó. Nếu như điều này dễ dàng được đáp ứng bởi công cụ của trí tuệ nhân tạo thì sẽ chẳng còn gì thú vị. Với nhận thức này, các bạn trẻ sẽ luôn tự tin và tự chủ trong quá trình bước vào công cuộc chuyển đổi số trên tất cả lĩnh vực.

Tài liệu tham khảo

[1]. Firat, M. (2023). What ChatGPT means for universities: Perceptions of scholars and students. *Journal of Applied Learning and Teaching*, 6(1), 57-63. <https://doi.org/10.37074/jalt.2023.6.1.22>

[2]. Dương Thanh Linh (2023). Ứng dụng ChatGPT thúc đẩy dạy và học bậc đại học trong kỉ nguyên trí tuệ nhân tạo. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Trường Đại học Bình Dương*, 6(2), 153-160.

[3]. Qadir, J. (2023). Engineering education in the era of ChatGPT: Promise and pitfalls of generative AI for education. In 2023 IEEE Global Engineering Education Conference (EDUCON) (pp. 1-9). IEEE.

Vận dụng mẫu nghi thức lời nói(tiếp theo trang 66)

3. Kết luận

Dựa trên mẫu nghi thức lời nói, học sinh có được điểm tựa để tạo ra được lời nói giao tiếp phù hợp, giúp tạo ra tính kế thừa qua từng bài học. Các em trở nên tự tin hơn khi giao tiếp. Học sinh sẽ thể hiện được sự tự duy và sáng tạo của mình khi nói được nhiều lời nói giao tiếp khác nhau, phù hợp với các tình huống giao tiếp khác nhau. Để tạo hiệu quả trong dạy học nghi thức giao tiếp, học sinh cần được tạo điều kiện luyện tập nhiều, đặc biệt với học sinh lớp 1. Các em cũng cần được động viên, tạo tâm lý thoải mái mỗi khi thực hành lời nói giao tiếp.

Tài liệu tham khảo

[1] Bùi Mạnh Hùng (Tổng chủ biên), N. T. (2020). *SHS, VBT, SGV Tiếng Việt 1, tập một, tập hai*. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[2] Đỗ Việt Hùng (Tổng chủ biên), L. P. (2022).

SHS, VBT, SGV Tiếng Việt 1, tập một, tập hai. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[3] GD&ĐT, B. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Hà Nội*. Bộ Giáo dục và Đào tạo.

[4] Nguyễn Thị Ly Kha (Chủ biên), N. L. (2023). *Cơ sở môn Tiếng Việt ở Tiểu học*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh.

[5] Nguyễn Thị Thuýết (Tổng chủ biên kiêm Chủ biên), H. T. (2022). *SHS, VBT, SGV Tiếng Việt 1, tập một, tập hai*. Nhà xuất bản Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh.

[6] Tâm, Đ. T. (2012). Dạy học nghi thức lời nói cho học sinh Tiểu học trong môn Tiếng Việt. *Tạp chí Viện khoa học giáo dục Việt Nam*.